

Bản án số: 319/2020/DS-PT

Ngày 17 tháng 8 năm 2020

“V/v tranh chấp quyền sử dụng đất; hủy
giấy chứng nhận quyền sử dụng đất;
bồi thường thiệt hại về tài sản”

NHÂN DANH

**NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN CẤP CAO TẠI THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH**

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Ông Phạm Văn Công

Các thẩm phán: Ông Đặng Văn Thành

Ông Đặng Văn Ý

- Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Hồng Nhung - Thư ký Tòa án nhân dân cấp cao tại Thành phố Hồ Chí Minh.

- Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân cấp cao tại Thành phố Hồ Chí Minh tham gia phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Ngát - Kiểm sát viên cao cấp.

Ngày 17 tháng 8 năm 2020, tại trụ sở Tòa án nhân dân cấp cao tại Thành phố Hồ Chí Minh xét xử phúc thẩm công khai vụ án thụ lý số 65/2020/TLPT-DS ngày 30 tháng 01 năm 2020 về “*Tranh chấp quyền sử dụng đất; hủy giấy chứng nhận quyền sử dụng đất; bồi thường thiệt hại về tài sản*”.

Do Bản án dân sự sơ thẩm số 50/2019/DS-ST ngày 27/11/2019 của Tòa án nhân dân tỉnh S bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số 1922/2020/QĐ-PT ngày 22 tháng 7 năm 2020 giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn:

1.1. Cụ Huỳnh Văn U, sinh năm 1948 – Vắng mặt;

1.2. Cụ Nguyễn Thị Y, sinh năm 1949 – Vắng mặt;

Cùng địa chỉ: Ấp 22, xã Thạnh Trị, huyện T, tỉnh S.

Người đại diện hợp pháp của nguyên đơn: Ông Kim Điền P, sinh năm 1993; Địa chỉ: 217, ấp 2, thị trấn Phú Lộc, huyện T, tỉnh S (Văn bản ủy quyền ngày 02/6/2020) – Có mặt.

2. *Bị đơn*: Ông Huỳnh Văn H, sinh năm 1977 – Có mặt;

Địa chỉ: Ấp 22, xã Thạnh Trị, huyện T, tỉnh S.

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của bị đơn: Bà Nguyễn Thị Thu Trang – Giám đốc Công ty Luật Trách nhiệm hữu hạn Một thành viên Hồng Nhật thuộc Đoàn luật sư tỉnh S - Có mặt.

3. *Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan*:

3.1. Bà Huỳnh Lệ H², sinh năm 1967 – Vắng mặt;

Địa chỉ: Ấp 22, xã Thạnh Trị, huyện T, tỉnh S.

Người đại diện hợp pháp của Huỳnh Lệ H²: Ông Kim Điền P (cũng là đại diện của nguyên đơn - Văn bản ủy quyền ngày 17/6/2020) – Có mặt.

3.2. Bà Huỳnh Thị B, sinh năm 1986 – Vắng mặt;

3.3. Ông Nguyễn Quốc T, sinh năm 1983 – Vắng mặt;

3.4. Anh Nguyễn Hoài E, sinh năm 1986 – Vắng mặt;

Cùng địa chỉ: Ấp 22, xã Thạnh Trị, huyện T, tỉnh S.

3.5. Bà Nguyễn Thị Kim H¹, sinh năm 1980 – Có mặt;

3.6. Chị Huỳnh Thị Diễm M, sinh năm 2000 – Vắng mặt;

Cùng địa chỉ: Ấp 22, xã Thạnh Trị, huyện T, tỉnh S.

Người đại diện hợp pháp của Nguyễn Thị Kim H¹ và Huỳnh Thị Diễm M: Ông Huỳnh Văn H (văn bản ủy quyền ngày 12/11/2018) – Có mặt;

3.7. Cụ Huỳnh Văn X, sinh năm 1943 – Vắng mặt;

Địa chỉ: Ấp 22, xã Thạnh Trị, huyện T, tỉnh S.

3.8. Ủy ban nhân dân huyện T, tỉnh S.

Địa chỉ: Ấp 1, xã Thạnh Trị, huyện T, tỉnh S.

Người đại diện hợp pháp: Ông Trần Văn U¹ – Phó Trưởng Phòng Tài nguyên và Môi trường huyện T (Văn bản ủy quyền ngày 04/6/2020) – Vắng mặt;

4. *Người kháng cáo, kháng nghị*:

4.1. Bị đơn ông Huỳnh Văn H

4.2. Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan bà Nguyễn Thị Kim H¹.

4.3. Viện Trưởng Viện kiểm sát nhân dân tỉnh S.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Trong đơn khởi kiện đề ngày 05/7/2018, nguyên đơn cụ Huỳnh Văn U, cụ Nguyễn Thị Y và người đại diện của nguyên đơn trình bày:

Cụ Huỳnh Văn U và cụ Nguyễn Thị Y có nhiều thửa đất, trong đó có thửa số 416 và 594 tổng diện tích 24.470 m², tờ bản đồ số 01, ấp 2, xã Thạnh Trị. Năm 1997, Nhà nước kê đăng ký thì cụ U đăng ký nhưng do có nhiều thửa đất nên cụ U đứng tên tổng diện tích 50.415 m² và để cho ông H đứng tên thửa thửa số 416 và 594 tổng diện tích 24.470 m² để giảm thuế do vượt mức hạn điền, thực tế ông H vẫn sống

chung với hai cụ và giấy chứng nhận quyền sử dụng đất của ông H do hai cụ giữ. Đến khi ông H 23 tuổi lập gia đình, tuy vẫn sống chung nhưng để cho ông H có thu nhập riêng nên vợ chồng cụ cho ông H 13 công, gồm 06 công thửa 353, diện tích thực tế 8.236 m² và 06 công thửa 382, diện tích thực tế 8.870 m² và một công đất vườn để ở.

Hai cụ trực tiếp canh tác thửa 416 và 594 đến năm 1985 thì cho con là Huỳnh Lê H² 5.200 m². Khi Nhà nước có chủ trương đưa đất vào tập đoàn thì tất cả đất của gia đình đều đưa vào tập đoàn, đến khi Nhà nước trả lại đất gốc thì hai cụ nhận và trực tiếp canh tác đến năm 2008 thì cho con là Huỳnh Thị B 05 công tằm cấy thuộc thửa 416, phần còn lại thửa 416 thì hai cụ trực tiếp sử dụng; thửa 594 thì cho Huỳnh Lê H² sử dụng.

Khi hai cụ làm thủ tục tách giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho các con theo đúng diện tích mỗi người sử dụng thì ông H không đồng ý và cho rằng đây là đất riêng của ông H nên đã bao chiếm hết, không cho cha mẹ, chị em canh tác. Khi cụ U sạ lúa Đông – Xuân được 04 ngày thì ông H xịt thuốc khai hoang cho chết lúa hết, cụ có báo chính quyền. Sau đó bỏ đất trống hết, kể cả phần đất cụ cho ông H 13 công.

Cụ Huỳnh Văn U và Nguyễn Thị Y khởi kiện yêu cầu Tòa án hủy các giấy chứng nhận quyền sử dụng đất thửa 416 và 594 do ông Huỳnh Văn H đứng tên; công nhận cho hai cụ quyền sử dụng thửa 416 và 594, tổng diện tích 24.470 m² (đo thực tế 25.144,6 m² và buộc ông H bồi thường thiệt hại vụ Hè – Thu 3.000.000 đồng/1.000 m² đối với diện tích 25.144,6 m².

Bị đơn ông Huỳnh Văn H đồng thời là người đại diện cho Nguyễn Thị Kim H¹, Huỳnh Thị Diễm M trình bày:

Thửa đất số 594, diện tích 5.200 m² là của bà nội của ông là cố Đỗ Thị T¹. Do bác của ông là cụ Huỳnh Văn X sống chung với bà nội nên cụ X trực tiếp canh tác đến năm 1996 thì cố T¹ kêu cụ X tách quyền sử dụng cho ông đứng tên Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất. Năm 1997 cố T¹ chết.

Thửa 416 là của cụ Huỳnh Văn U. Năm 1996, cụ U cho ông và ông kê khai đăng ký, được cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất thửa 594 và 416, tổng diện tích 24.470 m² vào ngày 26/5/1997. Tuy ông đứng tên nhưng đất thì do cha mẹ và chị em ông (bà H² và bà B) trực tiếp canh tác.

Trước đây ông sống chung cha mẹ nên làm chung đến năm 2009 thì cha mẹ cho ông ra riêng, trực tiếp canh tác 5,5 công (diện tích 8.236 m²) thuộc một phần thửa 353 và 6,3 công đất giáp lung cụ X. Còn thửa 416 và 594 gần nhà nên cụ U nói để cho cha mẹ làm khi nào không làm nổi thì giao lại cho tôi. Đến vụ Hè – Thu năm 2018, cha mẹ kêu tôi tách quyền sử dụng đất cho B và H¹ nên ông không đồng ý và

lấy lại đất. Khi ông đào đất làm bờ và xịt thuốc cỏ thì cha mẹ đuổi đánh nên ông bỏ đất trống vụ Hè – Thu 2018, đến Đông – Xuân 2019 thì cha mẹ canh tác. Nay nếu cha mẹ không làm nữa thì ông lấy lại thửa 416 và 594 và trả lại cho cha mẹ phần đất 8.236 m² thửa 353 và 6,3 công đất lung, nhưng cha mẹ không đồng ý nên ông cũng không canh tác cả 2 vụ Hè – Thu 2018 và Đông – Xuân 2019.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan Huỳnh Lệ H², Huỳnh Thị B, Nguyễn Quốc T, Nguyễn Hoài E và người đại diện trình bày: Thống nhất với ý kiến của nguyên đơn.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan cụ Huỳnh Văn X trình bày: Cụ là anh của cụ U. Tất cả đất đều có nguồn gốc của cha mẹ của cụ khai phá và cho các con từ trước năm 1975. Khi nhà nước có chủ trương vào tập đoàn thì tất cả đất đều đưa vào tập đoàn. Sau khi rã tập đoàn thì phần đất trước đây ai đưa vào tập đoàn thì người đó được nhận lại. Đối với thửa đất số 594 sau khi Nhà nước trang trải đất đai thì ông là người trực tiếp canh tác thu lợi nhuận cho cha mẹ. Theo lời mẹ của ông dặn nên năm 1996 cho cháu H thửa 594. Đất này mẹ của ông chưa được cấp giấy, cháu H sống cùng cha mẹ nên H cùng cụ U, cụ Y canh tác. Đất mẹ của cụ cho H là 04 công nhưng cụ U ban bờ nên diện tích thực tế là 6.279,7 m². Ông không có ý kiến đối với tranh chấp đất giữa cha con cụ U, ông H.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan Ủy ban nhân dân huyện T có công văn số 438/UBND-VP ngày 24/7/2019 và công văn số 696/UBND-VP ngày 25/11/2019 trình bày: Việc cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho Huỳnh Văn H là cấp đại trà theo đơn xin đăng ký được Hội đồng đăng ký đất đai của xã xét duyệt, không kiểm tra diện tích thực tế. Theo hồ sơ quản lý trong sổ mục kê ruộng đất thì thửa 594 được tách ra từ thửa 421 do Huỳnh Văn U đứng tên.

Tại Bản án dân sự sơ thẩm số 50/2019/DS-ST ngày 27/11/2019 của Tòa án nhân dân tỉnh S đã quyết định:

Áp dụng khoản 6 khoản 9 Điều 26, Điều 34, Điều 37, khoản 2 Điều 227, các điều 147, 157, 228, 271, 273 Bộ luật tố tụng dân sự; Các điều 166, 179, 203 Luật đất đai năm 2013; điểm đ khoản 1 Điều 12 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Tuyên xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của cụ Huỳnh Văn U và cụ Nguyễn Thị Y về việc yêu cầu công nhận quyền sử dụng đất tại các thửa đất số 416, 594 và hủy Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất do Ủy ban nhân dân huyện T cấp cho hộ Huỳnh Văn H ngày 26/5/1997.

1.1. Xác định tổng diện tích đất 25.144,6 m² thuộc các thửa 416, 594 tờ bản đồ số 01, tọa lạc ấp 22, xã Thạnh Trị, huyện T, tỉnh S là thuộc quyền sử dụng của cụ Huỳnh Văn U và cụ Nguyễn Thị Y. Cụ thể thửa 416 diện tích 18.864,9 m² và thửa 594 diện tích 6.279,7 m². (Diện tích, kích thước, giáp giới, hình thể hai thửa đất được xác định tại sơ đồ kèm theo Bản án sơ thẩm).

1.2. Hủy Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số H 333898, số vào sổ 00175 do Ủy ban nhân dân huyện T cấp cho hộ ông Huỳnh Văn H đứng tên diện tích đất 24.470 m² thuộc thửa 416 và thửa 594, tờ bản đồ số 01, tọa lạc ấp 22, xã Thạnh Trị, huyện T, tỉnh S để làm thủ tục cấp lại quyền sử dụng đất cho cụ Huỳnh Văn U và cụ Nguyễn Thị Y khi cụ U, cụ Y có yêu cầu.

2. Không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của cụ Huỳnh Văn U và cụ Nguyễn Thị Y về việc buộc ông Huỳnh Văn H bồi thường thiệt hại về tài sản vụ Hè Thu năm 2018 với số tiền 75.432.000 đồng.

Ngoài ra, bản án sơ thẩm còn quyết định về án phí dân sự sơ thẩm; về chi phí đo đạc, định giá; về nghĩa vụ thi hành án và quyền kháng cáo theo quy định của pháp luật.

Cùng ngày 06/12/2019, bị đơn ông Huỳnh Văn H và người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan bà Nguyễn Thị Kim H¹ có đơn kháng cáo đều yêu cầu sửa Bản án sơ thẩm, bác yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

Tại Quyết định số 02/QĐKNPT-VKS-DS ngày 11/12/2019 của Viện Trưởng Viện kiểm sát nhân dân tỉnh S kháng nghị phúc thẩm yêu cầu hủy Bản án sơ thẩm vì chưa đảm bảo việc đưa người tham gia tố tụng và chưa thu thập đầy đủ chứng cứ.

Tại phiên tòa phúc thẩm hôm nay:

Ông Huỳnh Văn H và bà Nguyễn Thị Kim H¹ giữ nguyên kháng cáo đều yêu cầu bác khởi kiện của nguyên đơn.

Luật sư bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của bị đơn đề nghị xem xét các bên đương sự đều thừa nhận các thửa đất tranh chấp số 416 và 594 có nguồn gốc của cố Huỳnh Văn N và cố Đỗ Thị T¹ nhưng cấp sơ thẩm không đưa những người thừa kế của cố N và cố T¹ vào tham gia tố tụng; Vào năm 1996, cụ U và ông H kê khai đăng ký và được cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cùng một lúc nhưng cụ U không khiếu nại; Việc ông H đứng tên Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất là đúng quy định của pháp luật; Công văn số 106 của Ủy ban nhân dân huyện T xác định thửa đất số 594 được tách ra từ thửa 416, nhưng Công văn số 696 của Ủy ban nhân dân huyện T lại xác định thửa 594 được tách ra từ thửa 421, trong khi sổ mục kê thể hiện thửa 421 tách ra thành các thửa 594, 583 và 584, còn nhiều mâu thuẫn nhưng cấp sơ thẩm chưa làm rõ thửa 594 là ở đâu? Do vậy, đề nghị chấp nhận kháng cáo của bị đơn, bác yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

Ông Kim Điền P đại diện cho nguyên đơn không đồng ý kháng cáo của ông H, bà H¹ và không đồng ý kháng nghị của Viện Trưởng Viện kiểm sát nhân dân tỉnh S. Không có tài liệu thể hiện thửa 416 và 594 của cổ T đứng tên, các thừa kế của cổ T cũng không có ai tranh chấp nên không có căn cứ để đưa họ vào tham gia tố tụng. Sau khi ngừng phiên tòa thì Tòa án cấp sơ thẩm đã có văn bản hỏi Ủy ban và Ủy ban nhân dân đã có công văn xác định rõ thửa 416 có nguồn gốc của cụ U, còn thửa 594 là được tách ra từ thửa 421 của cụ U.

Đại diện Viện kiểm sát có ý kiến Hội đồng xét xử phúc thẩm và người tham gia tố tụng thực hiện đúng quy định của pháp luật tố tụng dân sự; Đơn kháng cáo và quyết định kháng nghị hợp lệ. Về nội dung đề nghị xem xét hồ sơ vụ án còn nhiều mâu thuẫn, chưa được làm rõ: Công văn số 106 và Công văn số 696 của Ủy ban nhân dân huyện T có mâu thuẫn, lúc thì cho rằng thửa 594 được tách ra từ thửa 416 khi thì cho rằng thửa 594 được tách ra từ thửa 421; Đơn đăng ký quyền sử dụng đất của ông H lại có dấu tẩy xóa từ thửa 583 điền vào thửa 594, nguồn gốc ghi của bà nội cho cháu nhưng phía dưới đơn lại ghi của cụ X tách cho cháu thửa 583; Chưa thu thập chứng cứ làm rõ đất tranh chấp là thửa 583 hay là thửa 594? Cũng chưa rõ cụ X có canh tác trên đất tranh chấp không? Hai thửa đất tranh chấp này có vào tập đoàn hay không, khi rã tập đoàn giao đất lại cho ai thì cũng chưa được làm rõ, ông Hát có lời khai nhưng ông Hát không làm người quản lý của tập đoàn; Do đó đề nghị chấp nhận kháng nghị của Viện Trưởng Viện kiểm sát nhân dân tỉnh S và chấp nhận một phần kháng cáo của ông H, bà H¹, hủy Bản án sơ thẩm và chuyển hồ sơ cho Tòa án cấp sơ thẩm xét xử lại.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Căn cứ vào các tài liệu, chứng cứ đã được xem xét tại phiên tòa, kết quả tranh tụng tại phiên tòa; Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Các đơn kháng cáo của bị đơn ông Huỳnh Văn H, người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan bà Nguyễn Thị Kim H¹ và kháng nghị của Viện Trưởng Viện kiểm sát nhân dân tỉnh S đảm bảo hình thức, thời hạn, đủ điều kiện để giải quyết theo thủ tục phúc thẩm.

Tòa án triệu tập họp lệ lần thứ hai nhưng một số đương sự vẫn vắng mặt không có lý do chính đáng nên việc xét xử vẫn tiến hành theo quy định tại Điều 296 Bộ luật tố tụng dân sự.

[2] Tuy các bên đương sự đều trình bày đất tranh chấp thửa 416 và 594 có nguồn gốc nằm trong nhiều thửa đất của cổ Huỳnh Văn N (chết) và cổ Đỗ Thị T (chết năm 1997), nhưng cổ N và cổ T đã phân chia cho các con quản lý sử dụng từ trước năm 1975, hai cổ không có đứng tên giấy tờ về quyền sử dụng đất và phân đất thửa 416, 594 đều do cụ Huỳnh Văn U đưa vào tập đoàn cho đến khi rã tập đoàn thì

đất ai người đó được tập đoàn giao lại sử dụng. Như vậy, thửa đất số 416 và 594 đã không còn của cổ N và cổ T; đồng thời các thừa kế của cổ N và cổ T cũng không có tranh chấp đối với thửa đất 416 và 594 này. Do đó, không có căn cứ để đưa những người thừa kế của cổ N và cổ T vào tham gia tố tụng trong vụ án.

[3] Đối với thửa đất số 416, diện tích 19.270 m² (đo đạc thực tế 18.864,9 m²): Tại Đơn xin đăng ký quyền sử dụng đất ngày 02/02/1996 (BL 109) thể hiện ông Huỳnh Văn H đăng ký thửa đất số 416, diện tích 19.270 m² nguồn gốc cụ Huỳnh Văn U tách cho con Huỳnh Văn H. Công văn số 106/UBND-VP ngày 06/9/2019 của Ủy ban nhân dân huyện T (kèm theo Sổ mục kê ruộng đất – BL 212, 213) xác định: Thửa 416 do Huỳnh Văn U đứng tên, tách cho con Huỳnh Văn H đăng ký.

[4] Đối với thửa đất số 594, diện tích 5.200 m² (đo đạc thực tế 6.279,7 m² - diện tích tăng do ban bờ): Tại Đơn xin đăng ký quyền sử dụng đất của ông Huỳnh Văn H ngày 02/02/1996 (BL 109) thể hiện diện tích 5.200 m², số thửa 583 bị gạch xóa ghi vào số thửa là 594, đất bà nội cho cháu 1996, cuối đơn lại ghi Huỳnh Văn X cho ông H 583/5.200 2L. Như vậy, đơn của ông H xin đăng ký diện tích 5.200 m² vừa ghi là thửa 583, lại vừa ghi là thửa 594. Tuy nhiên, theo Biên bản xem xét thẩm định tại chỗ ngày 24/9/2018 (BL 47) xác định diện tích đất tranh chấp 5.200 m² (đo thực tế 6.279,7 m²) thuộc thửa đất số 594. Sau khi ngừng phiên tòa ngày 08/11/2019, Tòa án cấp sơ thẩm đã có công văn số 759/CV-TDS ngày 14/11/2019 (BL 299) đề nghị và Ủy ban nhân dân huyện T đã có Công văn số 696/UBND-VP ngày 25/11/2019 (BL 212) kèm theo Sổ mục kê (BL 302) xác định thửa đất số 594 được tách ra từ thửa đất số 421 do Huỳnh Văn U đứng tên, nên đã đủ căn cứ xác định phần đất tranh chấp 5.200 m² (đo thực tế 6.279,7 m²) là thuộc thửa đất số 594 (ông H đứng tên Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất) được tách ra từ thửa đất số 421 của cụ Huỳnh Văn U. Do vậy, không có căn cứ để xác định phần đất tranh chấp 5.200 m² (đo thực tế 6.279,7 m²) thuộc thửa đất số 583 của cụ X giao cho ông H như cụ X và ông H đã trình bày.

[5] Tại Công văn số 438/UBND-VP ngày 24/7/2019 của Ủy ban nhân dân huyện T (BL 207) xác định việc cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất của hộ ông Huỳnh Văn H do cấp đại trà trên cơ sở pháp lý căn cứ vào đơn xin đăng ký quyền sử dụng đất được Hội đồng đăng ký đất đai của xã xét duyệt.

Ông Huỳnh Văn H trình bày ông được cụ U và cụ Y tặng cho thửa đất số 416 và 594 nhưng ông không cung cấp được hợp đồng tặng cho quyền sử dụng đất, cũng không cung cấp được chứng cứ khác để chứng minh cụ U, cụ Y tặng cho ông quyền sử dụng hai thửa đất 416 và 594. Cụ U với cụ Y trình bày không tặng cho thửa đất 416, 594 mà chỉ để cho ông H đứng tên để tránh quá hạn điền. Lời trình bày của hai cụ phù hợp với lời khai của người làm chứng ông Biện Công C (Cán bộ Tư pháp xã

Thanh Trì - BL 205) cũng xác định do Luật đất đai 1993 quy định phần diện tích vượt hạn điền thì phải thu thuế, nên cụ U mới làm thủ tục để ông H đứng tên.

Mặt khác, mặc dù ông H đứng tên trong Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất nhưng trên thực tế ông H không trực tiếp quản lý sử dụng thửa 416, 594 mà đất này do cụ U, cụ Y và những người con khác của hai cụ trực tiếp quản lý, sử dụng; đồng thời cụ U và cụ Y là người cất giữ Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất thửa 416, 594 do ông H đứng tên.

[6] Từ những nhận định tại các mục [2], [3], [4], [5] nêu trên, không có căn cứ để chấp nhận kháng nghị của Viện Trưởng Viện kiểm sát nhân dân tỉnh S, không chấp nhận kháng cáo của ông Huỳnh Văn H và không chấp nhận kháng cáo của bà Nguyễn Thị Kim H, giữ nguyên Bản án sơ thẩm.

Lời bào chữa của luật sư bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của bị đơn và đề nghị của đại diện Viện kiểm sát nhân dân cấp cao tại Thành phố Hồ Chí Minh không phù hợp nhận định của Hội đồng xét xử nên không chấp nhận.

[7] Người kháng cáo phải chịu án phí dân sự phúc thẩm theo luật định.

[8] Các quyết định khác của Bản án sơ thẩm về việc bác yêu cầu khởi kiện của cụ Huỳnh Văn U và cụ Nguyễn Thị Y về việc buộc ông Huỳnh Văn H bồi thường thiệt hại về tài sản; về án phí dân sự sơ thẩm; về chi phí xem xét thẩm định tại chỗ; về nghĩa vụ thi hành án không có kháng cáo, kháng nghị đã có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

1. Áp dụng khoản 1 Điều 308 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015; Các điều 12 và 29 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

2. Không chấp nhận kháng nghị của Viện Trưởng Viện kiểm sát nhân dân tỉnh S; Không chấp nhận kháng cáo của ông Huỳnh Văn H và không chấp nhận kháng cáo của bà Nguyễn Thị Kim H¹; Giữ nguyên Bản án dân sự sơ thẩm số 50/2019/DS-ST ngày 27/11/2019 của Tòa án nhân dân tỉnh S.

Chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của cụ Huỳnh Văn U và cụ Nguyễn Thị Y.

2.1. Hủy Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số H 333898, số vào sổ 00175 QSDĐ ngày 26/5/1997 do Ủy ban nhân dân huyện T cấp cho hộ Huỳnh Văn H thửa đất số 416, diện tích 19.270 m² (đo đạc thực tế 18.864,9 m²) và thửa đất số 594, diện tích 5.200 m² (đo đạc thực tế 6.279,7 m²), loại đất 2 lúa, tờ bản đồ số 01, tọa lạc ấp 22, xã Thanh Trì, huyện T, tỉnh S.

2.2. Công nhận thửa đất số 416 và số 594 nêu trên là thuộc quyền sử dụng hợp pháp của cụ Huỳnh Văn U và cụ Nguyễn Thị Y. Cụ Huỳnh Văn U và cụ Nguyễn Thị Y có quyền và nghĩa vụ kê khai đăng ký quyền sử dụng đất đối với thửa đất số 416 và số 594 nêu trên theo quy định của pháp luật về đất đai.

2.3. Diện tích, kích thước, hình thể, giáp giới thửa đất số 416 và số 594 nêu tại mục 2 của Quyết định này được xác định theo Sơ đồ kèm theo Bản án sơ thẩm số 50/2019/DS-ST ngày 27/11/2019 của Tòa án nhân dân tỉnh S (BL 379).

3. Ông Huỳnh Văn H và bà Nguyễn Thị Kim H¹ đều phải nộp án phí dân sự phúc thẩm mỗi người 300.000 đồng (*Ba trăm ngàn đồng*) và được khấu trừ tạm ứng án phí đã nộp 300.000 đồng (*Ba trăm ngàn đồng*)/người theo Biên lai thu số 0002291 và số 0002292 cùng ngày 10/12/2019 của Cục Thi hành án dân sự tỉnh S.

4. Các quyết định khác của Bản án sơ thẩm về việc bác yêu cầu khởi kiện của cụ Huỳnh Văn U và cụ Nguyễn Thị Y về việc buộc ông Huỳnh Văn H bồi thường thiệt hại về tài sản; về án phí dân sự sơ thẩm; về chi phí xem xét thẩm định tại chỗ; về nghĩa vụ thi hành án không có kháng cáo, kháng nghị đã có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

5. Bản án này có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án./.

Nơi nhận:

- Tòa án nhân dân tối cao;
- VKSND cấp cao tại TP.HCM ;
- Tòa án nhân dân tỉnh S;
- VKSND tỉnh S;
- Cục THADS tỉnh S;
- Các đương sự;
- Lưu

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Phạm Văn Công

